**TUẦN 3**

---\*\*\*---

***Thứ hai ngày 18 tháng 9 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 25+26: BÀI 10: ê, l**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **ê, l**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ê, l** với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm ê, âm l.

- Đọc đúng bài Tập đọc.

- Biết viết trên bảng con các chữ **ê, l** và tiếng **lê.**

**2. Năng lực – Phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 25**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** (4’)  - GV kiểm tra HS đọc bài Tập đọc (bài 9) hoặc kiểm tra cả lớp viết bảng con các chữ *cờ đỏ, cố đô.*  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **2.1. *Giới thiệu bài***  - GV viết lên bảng tên bài: **ê, l;** giới thiệu bài học mới: âm **ê** và chữ **ê;** âm **l** và chữ **l.**  - GV chỉ chữ **ê,** nói: **ê.**  - GV chỉ chữ **l,** nói: **l** (lờ).  - GV giới thiệu chữ **Ê, L** in hoa.  **2.2. Bài mới:** (10’)(BT 1: Làm quen)  - GV chỉ hình quả lê (hoặc vật thật); Đây là thứ quả rất thơm ngon. Các em có biết đó là quả gì không?  - GV viết lên bảng lần lượt chữ **l,** chữ **ê.**  - Phân tích: Tiếng **lê** gồm có âm **l** đứng trước, âm ê đứng sau.  - GV đưa lên bảng mô hình tiếng **lê.**    - GV cùng HS cả lớp vừa nói vừa thể hiện bằng động tác tay:  + Chập hai bàn tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **lê.**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **lờ.**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **ê.**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **lê.**  \* Củng cố:  ? Các em vừa được học chữ và tiếng gì?  -GV chỉ mô hình tiếng **lê,** cả lớp đánh vần.  - Yêu cầu HS cài lên bảng cài chữ **l,** chữ **ê.**  - Nhận xét  **3.** **Hoạt động luyện tập** (15’)  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT2)  - GV chỉ hình theo số TT  (Từ nào HS không nói được, GV nói hộ). / Lặp lại lần 2 (chỉ hình TT đảo lộn).  - GV yêu cầu từng cặp HS chỉ hình, nói tên các sự vật có âm **ê,** âm **l;** làm bài trong VBT.  - GV yêu cầu 2 HS báo cáo kết quả  - GV chỉ từng hình theo số TT.  - GV yêu cầu HS nói tiếng ngoài bài có âm **ê** (bể, ghế, lễ, thề,...); âm **l** (lá, làm, lo, lội,...).  **3.2. Tập đọc** (BT 3)  a. Luyện đọc từ ngữ  - GV hướng dẫn HS đọc từng từ dưới mồi hình. Có thể cho HS đánh vần trước khi đọc trơn hoặc đọc trơn luôn.  - GV giải nghĩa từ: *la* (con vật cùng họ lừa); *lồ ô* (một loài tre to, mọc ở rừng, thân thẳng, thành mỏng); *le le* (một loài chim sống dưới nước, hình dáng giống vịt nhưng nhỏ hơn, mỏ nhọn); *đê* (bờ ngăn nước lũ, bảo vệ nhà cửa, đồng ruộng khi có mưa to, nước sông dâng cao); *lê la* (đi hết chồ này chồ kia; hình trong bài: cậu bé bò lê la theo quả bóng hết chồ này đến chỗ kia).  - GV chỉ hình theo TT đảo lộn, kiểm tra một vài HS đọc.. | - 2 HS đọc; cả lớp đọc.  - HS nhận xét  - HS quan sát và nghe  - HS (cá nhân, cả lớp): **ê**  - HS (cá nhân, cả lớp): **l**  - HS quan sát  - HS quan sát và trả lời (Quả lê).  - HS nhận biết: **l, ê = lê.** Cả lớp: **lê.**  - 1 HS làm mẫu, một vài HS nhắc lại  - HS quan sát  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp đánh vần và đọc trơn): **lờ - ê - lê / lê.**  - HS nói và thực hiện động tác  - HS nói 2 chữ mới vừa học là: chữ **ê,** chữ **l;** tiếng mới là **lê.**  - HS đánh vần (cả lớp)  -HS thực hiện  - Cả lớp nói tên từng sự vật: *bê* (bê là con bò con), *khế, lửa, lứa, (cá) trê, (thợ) lặn* (thợ lặn dưới đáy biển).  - HS làm bài  - HS: Những tiếng có âm **ê**: *bê, khế, trê.* Những tiếng có âm **l:** *lửa, lúa, lặn.*  - Cả lớp: Tiếng **bê** có âm **ê...** Tiếng **lửa** có âm **l...**  - HS tìm và nói  - HS quan sát và đánh vần, đọc trơn.  - HS nghe  - HS đọc |

**Tiết 26**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **3.2. Tập đọc** (13’) (BT3)  b. GV đọc mẫu: *la, lá, lồ ô, le le, dế, dê, đê, lọ, lê la.*  c. Thi đọc cả bài  - GV yêu cầu (Làm việc nhóm đôi) từng cặp HS nhìn SGK cùng luyện đọc. GV kiểm tra các nhóm làm việc:  - GV tổ chức cho các cặp, tổ, cá nhân thi đọc cả bài (mỗi cặp, tổ, cá nhân đều đọc cả bài).  \* Củng cố: GV yêu cầu cả lớp nhìn SGK đọc đồng thanh 2 trang nội dung bài 10.  **3.3. Tập viết** (20’)(bảng con - BT 4)  - GV yêu cầu cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng: **ê, l, lê.**  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp **(ê, l, lê)** vừa hướng dẫn quy trình:  + Chữ ê: cao 2 li. Nét l viết như chữ e. Nét 2 và nét 3 là hai nét thẳng xiên ngắn chụm đầu vào nhau tạo thành dấu mũ (A).  + Chữ l: cao 5 li, là kết hợp của 2 nét cơ bản: khuyết xuôi và móc ngược.  + Tiếng lê: viết chữ l (nét khuyết xuôi, nét móc ngược), nối sang chữ ê (nét cong phải, nét cong trái), thêm dấu mũ để tạo thành ê; chú ý nối nét giữa l và ê.  - GV yêu cầu HS viết: **ê, l** (2 lần). Sau đó viết **lê** (2 - 3 lần).  - GV nhận xét  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe tiết học hôm nay em đã biết thêm những sự vật, con vật, hoạt động gì; xem trước bài 11 *(b, bễ).*  - Khuyến khích HS tập viết chữ trên bảng con. | - HS nghe và quan sát  - HS làm việc nhóm đôi  - HS thi đọc bài  - HS đọc (cả lớp)  - Cả lớp đọc  - HS quan sát và nghe  - HS viết bảng  - Nhận xét |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………